

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Tên ngành: **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**

Mã ngành: **7810103**

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Lao động - Xã hội

Trường Đại học Lao động - Xã hội tiền thân từ Trường Trung học Lao động - Tiền lương thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thành lập năm 1961 có nhiệm vụ đào tạo cán bộ lao động tiền lương cho toàn miền Bắc. Năm 1991 Trường Trung học Lao động - Tiền lương hợp nhất với Trường Quản lý Cán bộ Thương binh - Xã hội lấy tên là Trường Cán bộ Lao động - Xã hội. Tháng 1/1997 Trường được Thủ tướng Chính phủ quyết định nâng cấp lên thành Trường Cao đẳng Lao động - Xã hội. Ngày 31/01/2005 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 26/2005/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Lao động - Xã hội.

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: University of Labor and Social Affairs
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: ULSA
- Cơ quan chủ quản: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Địa chỉ đào tạo: Số 43 đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; Số 1018 đường Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh; Phố Hữu Nghị, Phường Xuân Khanh, TX Sơn Tây, Hà Nội.
- Số điện thoại: 024. 35566176 Fax: 024.35566173
- Website: www.ulsa.edu.vn

Từ khi được thành lập đến nay, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo ở các bậc: tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng và trung cấp với nhiều loại hình đào tạo từ chính quy tập trung đến vừa làm vừa học. Trường đã từng bước hoàn chỉnh chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng, trung cấp và các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn.

Đến năm 2021, Nhà trường đã có kinh nghiệm 16 năm đào tạo bậc đại học, quy mô đào tạo đại học của Trường vào khoảng 15.000 sinh viên. Hiện nay, Trường Đại học Lao động - Xã hội có 12 ngành đào tạo bậc đại học là Kế toán, Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Bảo hiểm, Luật, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Tâm lý học, Kiểm toán, Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin quản lý và ngành Tài chính – Ngân hàng. 04 ngành đào tạo bậc thạc sĩ là Quản trị nhân lực, Kế toán, Công tác xã hội và Quản trị kinh doanh; 01 ngành đào tạo bậc tiến sĩ: Quản trị nhân lực. Trường có 11 khoa: Kế toán, Công tác xã hội, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo hiểm, Quản trị kinh doanh, Luật, Kỹ thuật chính hình, Lý luận chính trị, Ngoại ngữ, Giáo dục đại cương và Khoa Sau đại học, có 7 phòng chức năng và 02 tổ chức phục vụ đào tạo. Trường đã đào tạo được 12 khóa đại học, với trên 20.000 cử nhân đại học và hàng chục ngàn cử nhân cao đẳng đã tốt nghiệp ra trường. Nhìn chung, kết quả đào tạo của trường đạt chất lượng tốt, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp đạt trên 90%. Sinh viên tốt nghiệp của trường được các tổ chức và các doanh nghiệp đánh giá cao về năng lực làm việc.

Trường Đại học Lao động - Xã hội có trụ sở chính tại Hà Nội, cơ sở Sơn Tây và cơ sở II Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích khoảng gần 20 ha. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ và nâng cấp hàng năm. Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, phòng tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học đạt tiêu chuẩn. Hệ thống Thư viện có phòng đọc đảm bảo gần 400 chỗ ngồi, với hơn 100.000 đầu sách và hàng trăm loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học như: Các sách về kế toán, tài chính- ngân hàng, kinh tế, kinh tế lao động, quản trị nhân lực, quản trị kinh doanh, ... các sách tham khảo từ công trình nghiên cứu của các chuyên gia trong và ngoài nước, các tạp chí kinh tế, các luận án kinh tế và các đề tài nghiên cứu khoa học, các sách tin học hướng dẫn khai thác phần mềm phục vụ nghiệp vụ ngành. Hiện nay, thư viện Nhà trường đang thực hiện đề án Thư viện điện tử để nâng cấp thư viện và tăng cường khả năng, chất lượng khai thác thông tin cho sinh viên.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học, từ năm 2005 đến nay Trường Đại học Lao động – Xã hội đã thực hiện 259 đề tài, trong đó có 01 đề tài cấp Nhà nước và 25 đề tài cấp Bộ; Trường đã biên soạn, biên dịch được 121 giáo trình, tài liệu; Trường có 861 bài đăng tạp chí, trong đó có 62 bài đăng tạp chí quốc tế (23 bài đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Schopus hoặc ISI); Trường có 999 bài đăng kỷ yếu hội thảo, trong đó có 138 bài đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế. Những công trình khoa học đã góp phần tích cực

vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, giảng viên trong Trường.

Về hoạt động hợp tác quốc tế, trong những năm qua, trường có quan hệ hợp tác với hơn 30 tổ chức và trường đại học trên thế giới như: Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF), Tổ chức Lao động thế giới (ILO), Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ Vì nhân dân châu Á – Thái Bình Dương (AFAP), Quỹ Quốc tế Singapore, các tổ chức: Actoin Aid, CIDA (Canada), Caritas (Đức), WWO (Hoa Kỳ), CFSI; Trường Đại học Memorial (Canada), Đại học Phụ nữ Philipin... Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị nhân lực với trường đại học Limkokwing của Malaysia; tham gia nhiều dự án hợp tác, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lao động do chính phủ và một số tổ chức quốc tế tài trợ như dự án SIIR về quan hệ lao động, dự án Canada pha 2 về tăng cường năng lực cho giảm nghèo thông qua đào tạo... Các dự án tài trợ, hợp tác quốc tế đã mang lại nhiều cơ hội cho Nhà trường và góp phần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảng viên trong việc học tập, giảng dạy, nghiên cứu, các hoạt động thực tiễn... Cũng từ đó, vị thế của Trường Đại học Lao động – Xã hội cũng từng bước được nâng cao.

Trong 60 năm qua trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba và nhiều phần thưởng cao quý khác

2. Sự cần thiết về việc mở ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Trường Đại học Lao động - Xã hội là trường đại học hàng đầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Ngày 05/5/2016, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã ký Quyết định số 565/QĐ-ĐHLĐXH phê duyệt quy hoạch phát triển Trường Đại học Lao động - Xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Định hướng phát triển trong Quyết định nêu rõ Trường Đại học Lao động - Xã hội cần phát triển đào tạo đa cấp trình độ, lĩnh vực, ngành nghề, hình thức. Vì vậy, Trường Đại học Lao động - Xã hội lập đề án đăng ký mở ngành đào tạo Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành là cần thiết và phù hợp với quy hoạch phát triển của Trường đã được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt.

Quá trình toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế đã mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng nhiều thách thức đối với công cuộc phát triển kinh tế của Việt Nam. Trong những năm qua, du lịch Việt Nam đã có sự phát triển vượt bậc, số lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam ngày càng tăng, du lịch được xác định là một trong những ngành kinh tế

mũi nhọn. Tuy nhiên việc thiếu hụt nhân lực cả số lượng và chất lượng đang là thách thức lớn đối với ngành du lịch Việt Nam. Việc Trường Đại học Lao động - Xã hội lập đề án đăng ký mở ngành đào tạo Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành là phù hợp với chủ trương, đường lối chỉ đạo của Đảng.

Ngành du lịch đã và đang trở thành ngành kinh tế quan trọng của nhiều quốc gia trên thế giới. Nghị quyết 08-NQ/TW¹ của Bộ Chính trị đã đề ra mục tiêu phát triển ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của các ngành, lĩnh vực khác. Theo đó, Chính phủ đã đưa ra Quyết định số 147/QĐ-TTg, ngày 22/01/2020 phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030. Theo đó mục tiêu đến năm 2025 Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn, phấn đấu thuộc nhóm ba quốc gia dẫn đầu về phát triển du lịch trong khu vực Đông Nam Á và 50 quốc gia có năng lực cạnh tranh du lịch hàng đầu thế giới, trong đó tất cả 14 tiêu chí năng lực cạnh tranh du lịch đều tăng, phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững. Tổng thu từ khách du lịch: Đạt 1.700 - 1.800 nghìn tỷ đồng (tương đương 77 - 80 tỷ USD), tăng trưởng bình quân 13 - 14%/năm; đóng góp trực tiếp vào GDP đạt 12 - 14%. Tạo ra khoảng 5,5 - 6 triệu việc làm, trong đó có khoảng 2 triệu việc làm trực tiếp, tăng trưởng bình quân 12 - 14%/năm. Về khách du lịch: Phấn đấu đón được ít nhất 35 triệu lượt khách quốc tế và 120 triệu lượt khách nội địa, duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân về khách quốc tế từ 12 - 14%/năm và khách nội địa từ 6 - 7%/năm. Đến năm 2030 du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn và phát triển bền vững. Việt Nam trở thành điểm đến đặc biệt hấp dẫn, thuộc nhóm 30 quốc gia có năng lực cạnh tranh du lịch hàng đầu thế giới, đáp ứng đầy đủ yêu cầu và mục tiêu phát triển bền vững. Tổng thu từ khách du lịch: Đạt 3.100 - 3.200 nghìn tỷ đồng (tương đương 130 - 135 tỷ USD), tăng trưởng bình quân 11 - 12%/năm; đóng góp trực tiếp vào GDP đạt 15 - 17%. Tạo ra khoảng 8,5 triệu việc làm, trong đó có khoảng 3 triệu việc làm trực tiếp, tăng trưởng bình quân 8 - 9%/năm. Về khách du lịch: Phấn đấu đón được ít nhất 50 triệu lượt khách quốc tế và 160 triệu lượt khách nội địa; duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân về khách quốc tế từ 8 - 10%/năm và khách nội địa từ 5 - 6%/năm.

Đối với việc phát triển nguồn nhân lực du lịch Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 nêu rõ: Phát triển nguồn nhân lực du lịch theo cơ cấu hợp lý, bảo đảm số lượng, chất lượng, cân đối về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh, hội nhập; có chính sách khuyến khích thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực và

¹ [Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn \(vietnamtourism.gov.vn\)](http://vietnamtourism.gov.vn)

thị trường lao động toàn diện, nâng cao chất lượng nhân lực du lịch cả về quản lý nhà nước, quản trị doanh nghiệp và kỹ năng nghề du lịch, chú trọng đào tạo nhân lực quản lý cấp cao và lao động lành nghề. Đa dạng các hình thức đào tạo; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực du lịch; chú trọng đào tạo kỹ năng nghề và kỹ năng mềm cho lực lượng lao động trực tiếp phục vụ du lịch, đặc biệt là đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên du lịch tại điểm; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cộng đồng dân cư tham gia kinh doanh du lịch và góp phần quảng bá điểm đến, hình ảnh du lịch của địa phương. Tăng cường năng lực các cơ sở đào tạo, trường đào tạo nghề du lịch chất lượng cao tại các khu vực động lực phát triển du lịch.

Theo mục tiêu của Chiến lược phát triển du lịch giai đoạn 2020-2030 của Chính phủ cũng như thông qua các khảo sát của thị trường lao động cho thấy hiện nay nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch được đánh giá là thiếu hụt trầm trọng cả về số lượng và chất lượng. Mỗi năm ngành Du lịch cần thêm gần 40.000 lao động nhưng lượng sinh viên, học viên chuyên ngành ra trường chỉ khoảng 15.000 người/năm. Trong đó chỉ hơn 12% có trình độ cao đẳng, đại học trở lên.

Bảng 1 Nhu cầu lao động đối với ngành du lịch đến năm 2030

Thực trạng năm 2020	Nhu cầu năm 2020	Nhu cầu năm 2025	Nhu cầu năm 2030
2,5 triệu lao động	3 triệu lao động	5-6 triệu lao động	8,5 triệu lao động
860.000 Lao động trực tiếp	1 triệu lao động trực tiếp	2 triệu lao động trực tiếp	3 triệu lao động trực tiếp

Nguồn: Chiến lược phát triển du lịch giai đoạn 2020-2030²

Thực trạng đào tạo du lịch theo báo cáo của Viện Nghiên cứu phát triển du lịch (Tổng cục Du lịch)³:

Tỷ lệ lao động có trình độ sau đại học chiếm tỷ lệ 0,37%,

Tỷ lệ lao động có trình độ đại học khoảng 24%,

Tỷ lệ lao động có trình độ cao đẳng khoảng 13%,

Tỷ lệ lao động có trình độ trung cấp khoảng 14%, còn lại là trình độ khác.

Là một cơ sở đào tạo về lao động, trước tình hình thiếu hụt về nguồn nhân lực ngành du lịch cả về chất lượng và số lượng, Trường Đại học Lao động – Xã hội xác định việc đào tạo ngành du lịch không chỉ đáp ứng mục tiêu về đào tạo và nghiên cứu khoa học

² [Quyết định phê duyệt Đề án Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 \(vietnamtourism.gov.vn\)](http://vietnamtourism.gov.vn)

³ [Rút ngắn khoảng cách đào tạo - việc làm trong ngành du lịch - Báo Nhân Dân \(nhandan.vn\)](http://nhandan.vn)

của Trường mà còn là nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực theo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội được thể hiện ở Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 của chính phủ: Phát triển nguồn nhân lực du lịch theo cơ cấu hợp lý, bảo đảm số lượng, chất lượng, cân đối về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh, hội nhập; có chính sách khuyến khích thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động toàn diện, nâng cao chất lượng nhân lực du lịch cả về quản lý nhà nước, quản trị doanh nghiệp và kỹ năng nghề du lịch, chú trọng đào tạo nhân lực quản lý cấp cao và lao động lành nghề.

Để tiến hành xây dựng đề án, Khoa Quản trị Kinh doanh đã tiến hành khảo sát lao động tại 30 doanh nghiệp lữ hành và khách sạn và nhà hàng cũng như các tổ chức có nhu cầu nhân lực ngành du lịch khác, qua đó đã nhận được sự đồng thuận cao đối với việc mở ngành đào tạo Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động cả về số lượng và chất lượng.

Theo khảo sát về việc làm của Khoa Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Lao động – Xã hội, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp trên số lượng sinh viên trả lời đạt trên 100%. Qua khảo sát số lượng sinh viên có nhu cầu làm việc tại các doanh nghiệp du lịch, khách sạn, nhà hàng hoặc có liên quan đến hoạt động du lịch là rất cao. Mặc dù 2 năm qua do sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, ngành du lịch bị thiệt hại nặng nề, tuy nhiên với các biện pháp phòng, chống dịch hiệu quả của chính phủ, hình ảnh một Việt Nam an toàn đang trở thành sức hút lớn đối với du khách quốc tế. Hầu hết các chuyên gia đều lạc quan về sức bật của ngành du lịch Việt Nam sau đại dịch, thậm chí còn phát triển nhanh, mạnh hơn trước khi có dịch (năm 2019). Điều này cho thấy nhu cầu nhân lực về ngành du lịch trên thị trường lao động là rất lớn. Thực trạng việc làm của sinh viên ngành du lịch của một số trường Đại học được đăng tải ba công khai trên các website cho thấy lệ sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp vào năm 2019 -2020 của các trường này rất cao, phần lớn đều đạt trên 90%.

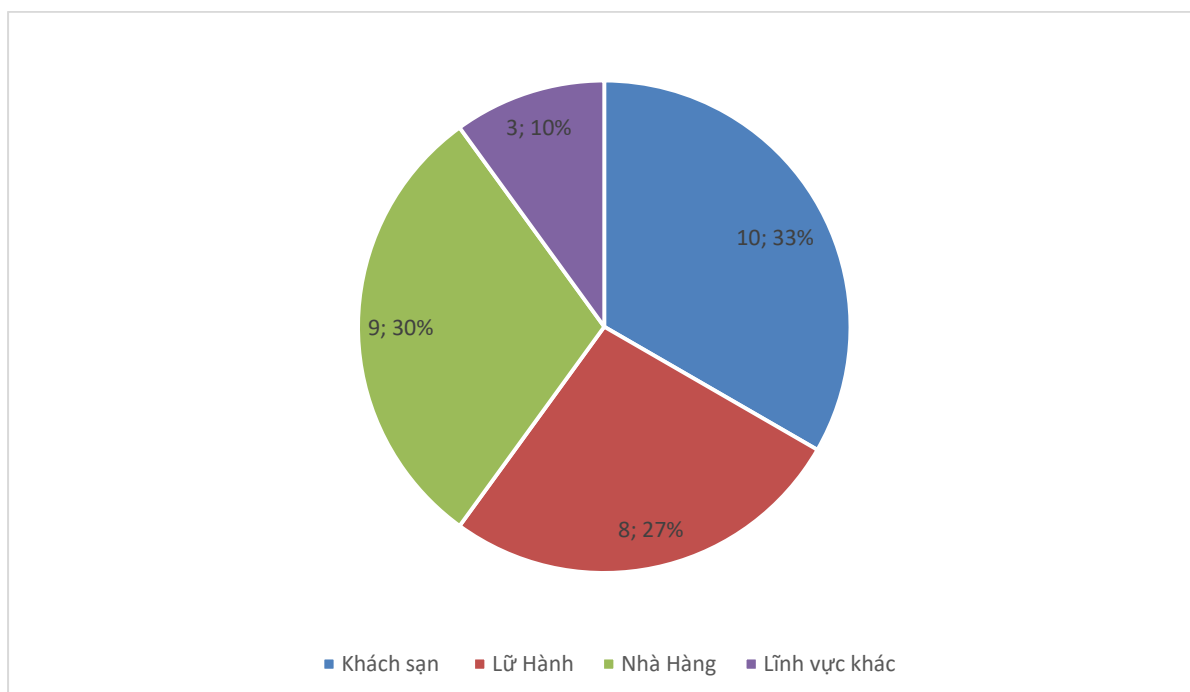
Bảng 2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp vào năm 2020 của một số Trường đại học có ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Cơ sở đào tạo	Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp (%)	Ghi chú
1	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	96.43	

2	Trường Đại học KHXH-NV- Đại học Quốc gia	97,36	
3	Trường Đại học Thương mại	98,00	Khối ngành III
4	Trường Đại học Du lịch – Đại học Huế	98,46	
5	Trường Đại học Duy Tân	94,20	Khối ngành III
6	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	100,00	Khối ngành III
7	Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn	100,00	Khối ngành III
8	Trường Đại học Văn Hóa	90%	Việt Nam học

Nguồn: Thu thập từ báo cáo ba công khai đăng trên Website của các trường

Dữ liệu khảo sát cho thấy là nhu cầu nhân lực trình độ cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành của thị trường lao động là rất lớn. Theo báo cáo đánh giá nhu cầu nhân lực ngành QTDVDL&LH do Khoa thực hiện thì 30/30 doanh nghiệp bao gồm cả lữ hành và khách sạn, 100% doanh nghiệp được hỏi đều thể hiện rõ nhu cầu về cử nhân ngành này trong đó tỷ lệ Tỷ lệ nhu cầu lao động theo lĩnh vực ngành du lịch như sau: 27% lao động ở trình độ Đại học đối với chuyên ngành lữ hành, 33% đối với chuyên ngành khách sạn và 30% đối với chuyên ngành nhà hàng.

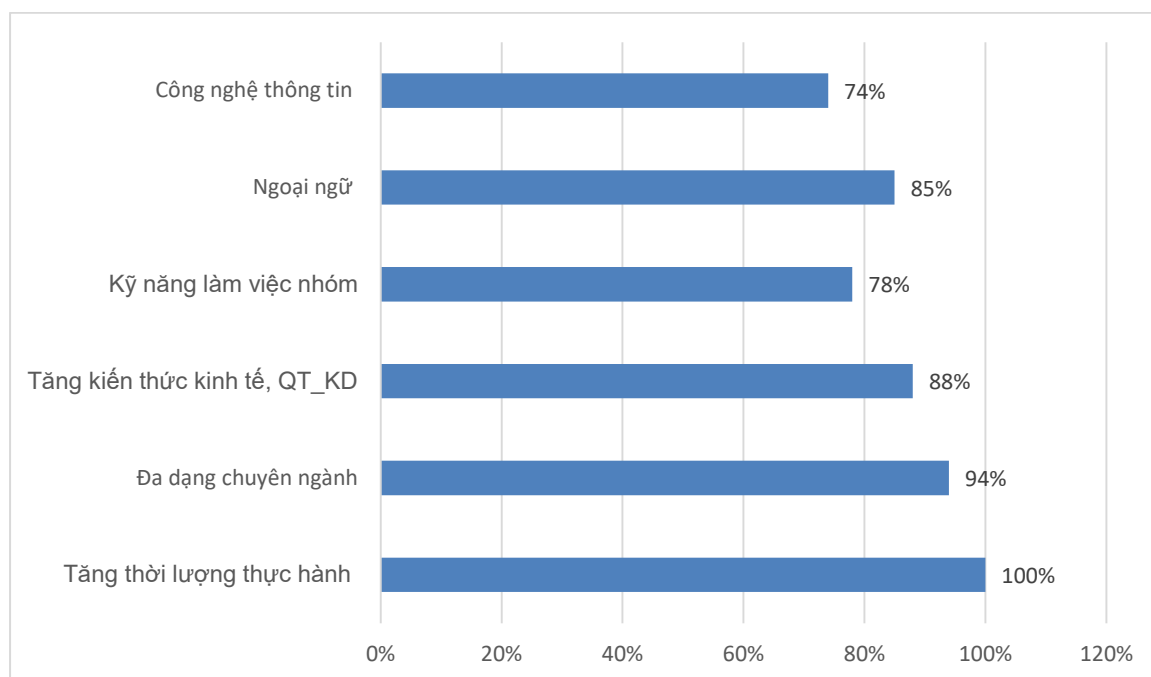


Biểu đồ 1: Tỷ lệ nhu cầu lao động theo lĩnh vực ngành du lịch

Bên cạnh đó mặc dù ảnh hưởng của đại dịch covid đối với ngành du lịch là rất nặng nề nhưng 100% người được khảo sát đều cho rằng du lịch của Việt Nam vẫn là ngành kinh tế quan trọng và sẽ phục hồi mạnh mẽ.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy hầu hết các chương trình đào tạo Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành hiện nay ở các trường Đại học còn mang nặng tính lý thuyết, kết cấu của chương trình chưa đa dạng về chuyên ngành. Bên cạnh đó các kiến thức về quản trị - kinh doanh cũng cần được bổ sung (các trường thường có xu hướng thiết kế nặng về Việt Nam học). Các ý kiến cũng cho rằng việc gia tăng khối lượng thực hành, thực tập tại doanh nghiệp là cần thiết đối với sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ Hành.

Sơ đồ 1: Các nội dung cần cải tiến đối với chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ Hành



Nguồn: Tính toán từ kết quả điều tra

Từ những phân tích trên, việc đẩy mạnh đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trong thời đại toàn cầu hoá là một đòi hỏi khách quan của thực tiễn. Nhu cầu và triển vọng phát triển của việc đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành là rất lớn. Vì vậy, Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Lao động - Xã hội lập đề án đăng ký mở ngành đào tạo Kiểm toán trình độ đại học là phù hợp với thực tiễn. Đồng thời, khi được nhà Trường cho phép, Trường đại học Lao động - Xã hội sẽ góp phần cung cấp nguồn nhân lực Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trình độ cao cho đất nước.

II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

1 Năng lực của Trường Đại học Lao động - Xã hội

1.1.1 Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành:

Trường Đại học Lao động - Xã hội hiện có 681 công chức, viên chức và người lao động, trong đó 466 giảng viên có trình độ sau đại học và đang học sau đại học. Cụ thể, Trường có 10 phó giáo sư; 115 tiến sĩ; gần 40 người đang theo học nghiên cứu sinh; 316 người có trình độ thạc sĩ; số còn lại đang theo học thạc sĩ trong và ngoài nước.

Khoa Quản trị kinh doanh có tổng số 32 giảng viên, bao gồm 01 Phó Giáo sư, 12 tiến sĩ và 05 nghiên cứu sinh tham gia đào tạo trong và ngoài nước.

Ngoài đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy các học phần thuộc khối kiến thức đại cương và cơ sở, Khoa đã bố trí 15 giảng viên có trình độ thạc sĩ và tiến sĩ tham gia giảng dạy các học phần thuộc khối chuyên ngành của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, danh sách cụ thể tại Bảng 3.

Bảng 3. Đội ngũ giảng viên là điều kiện mở ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành:

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy
1	Nguyễn Quang Vĩnh, 1981, Giảng viên khoa QTKD	Tiến sĩ, Đài Loan, 2013	Quản trị kinh doanh (du lịch)	2020, Trường ĐH Lao động - Xã hội
2	Lục Mạnh Hiến, 1974, Trưởng khoa, giảng viên khoa QTKD	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh tế	2008, Trường ĐH Lao động - Xã hội
3	Nguyễn Thị Thu Hương, 1978, Giảng viên khoa QTKD	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh doanh Thương Mại	2009, Trường ĐH Lao động - Xã hội
4	Nguyễn Thị Anh Trâm, 1974, Trưởng bộ môn Quản trị, giảng viên khoa QTKD	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh Tế	2007, Trường ĐH Lao động - Xã hội
5	Phạm Thị Thúy Vân, 1979, Phó trưởng bộ môn Quản trị, giảng viên khoa QTKD	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Quản trị kinh doanh	2006, Trường ĐH Lao động - Xã hội
6	Nguyễn Thị Huế, 1976, Giảng viên khoa QTKD	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Kinh tế đối ngoại và QHHTQT	2016, Trường ĐH Lao động - Xã hội
7	Phan Thành Hưng, 1978, Phó trưởng bộ môn kinh doanh Giảng viên, khoa QTKD	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Quản trị kinh doanh	2009, Trường ĐH Lao động - Xã hội

8	Lê Thị Hải Hà, 1981, Giảng viên khoa QTKD	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Quản trị kinh doanh	2011, Trường ĐH Lao động - Xã hội
9	Mai Thị Anh Đào, 1977, Giảng viên khoa QTKD	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Quản trị kinh doanh	1999, Trường ĐH Lao động - Xã hội
10	Nguyễn Duy Phương, 1974, Giảng viên khoa QTKD	Tiến sĩ, Nước ngoài, 2014	Quản trị kinh doanh	2008, Trường ĐH Lao động - Xã hội
11	Phạm Thị Thu Thủy, 1981, Giảng viên khoa QTKD	Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Quản trị Kinh doanh Thương Mại	2010, Trường ĐH Lao động - Xã hội
12	Hà Thị Phương Thảo, 1977, Giảng viên khoa QTKD	Thạc sĩ, Việt Nam, 2003	Quản trị kinh doanh	2014, Trường ĐH Lao động - Xã hội
13	Phạm Tuấn Trung, 1990, Giảng viên khoa QTKD	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Quản trị kinh doanh	2017, Trường ĐH Lao động - Xã hội
14	Nguyễn Thị Thanh Huyền, 1990, Giảng viên khoa QTKD	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Kinh doanh và quản lý	2012, Trường, cao đẳng kinh tế công nghiệp HN, 2020 ĐH Lao động - Xã hội
15	Triệu Linh Giang, 1984 Giảng viên khoa QTKD	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Đại học Quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn)	2011, Trường ĐH Lao động - Xã hội

1.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình phục vụ đào tạo

Trường Đại học Lao động - Xã hội có 03 cơ sở đào tạo: Trụ sở chính tại Hà Nội, cơ sở Sơn Tây và cơ sở II Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích khoảng gần 20 ha. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ và nâng cấp hàng năm. Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, phòng tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học đạt tiêu chuẩn. Hiện nay tại 3 cơ sở trường có 155 phòng học lý thuyết với diện tích trung bình từ 80 đến 100m², 16 phòng thực hành các loại, 16 phòng máy tính với tổng số gần 700 máy tính được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ cho việc dạy và học. Nhà trường có đầy đủ đủ

cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo các môn chuyên ngành của ngành Kiểm toán, cụ thể như sau:

Bảng 4 Thống kê cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập

STT	Loại phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
1	Phòng học từ 50m ² -100m ²	55	5.510	Điều hòa	6	Các học phần lý thuyết thuần túy
				Amplify + loa +micro	60	
				Máy tính	51	
				Máy chiếu	40	
				Màn chiếu	40	
				Ti vi	11	
				Bảng	60	
				Bàn ghế giáo viên	60	
				Bàn ghế học sinh	2291	
				Quạt trần	222	
				Quạt treo tường	81	
				đồng hồ	60	
2	Phòng học từ 100m ² -200m ²	22	4.620	Điều hòa	2	Các học phần hỗn hợp lý thuyết và thực hành
				Amplify + loa +micro	21	
				Máy tính	21	
				Máy chiếu	20	
				Màn chiếu	20	
				Ti vi	1	
				Bảng	21	
				Bàn ghế giáo viên	21	
				Bàn ghế học sinh	1040	
				Quạt trần	153	
				Quạt treo tường	21	
				đồng hồ	21	

3	Hội trường E701	1	342	Điều hòa	6	Các hoạt động sinh hoạt chung như chỉnh huấn đầu khóa, đầu năm học...
				Quạt cấp khí	1	
				Amplify	4	
				Loa	29	
				Bộ chia tín hiệu	1	
				Bộ trộn âm thanh	1	
				Bộ chia tín hiệu	1	
				Máy tạo khối	1	
				Đèn ánh sáng	28	
				Bộ nhận +micro	7	
				Bảng điện tử	1	
				Ti vi 65 ịch	6	
				Máy tính dự hình	1	
				Bàn chủ tịch và đại biểu	14	
				Ghế hội trường	334	

Bảng 5. Thống kê trang thiết bị của phòng máy vi tính phục vụ giảng dạy, học tập của trường

STT	Tên phòng thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
1	Phòng máy tính E202.T2	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	

STT	Tên phòng thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	40	
			Quạt treo tường	5	
			đồng hồ	1	
2	Phòng máy tính E302.T3	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	40	
			Quạt treo tường	5	
			đồng hồ	1	
3	Phòng máy tính E403	90	Điều hòa	2	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	44	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
			đồng hồ	1	
4	Phòng máy tính E404A	90	Điều hòa	2	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	

STT	Tên phòng thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	56	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
			đồng hồ	1	
5	Phòng máy tính E404B	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	39	
			Quạt treo tường	5	
			đồng hồ	1	
6	Phòng máy tính E501	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			Ghế học viên	54	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	

STT	Tên phòng thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
			Đồng hồ	1	
7	Phòng máy tính E502	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			Ghế học viên	47	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
			Đồng hồ	1	
8	Phòng máy tính E503A	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	45	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
			đồng hồ	1	
9	Phòng máy tính E503B	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	

STT	Tên phòng thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	49	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
			đồng hồ	1	

Thư viện tại 3 cơ sở có phòng đọc đảm bảo 1500 chỗ ngồi, với hơn 100.000 đầu sách và hàng trăm loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Tài liệu phục vụ ngành Kiểm toán gồm các giáo trình, bài giảng về Kiểm toán, Kế toán, Tài chính, Ngân hàng, ... các sách tham khảo từ công trình nghiên cứu của các chuyên gia trong và ngoài nước, các tạp chí kinh tế, các luận án kinh tế và các đề tài nghiên cứu khoa học,... Hiện nay, thư viện Nhà trường đang thực hiện đề án Thư viện điện tử để nâng cấp thư viện và tăng cường khả năng, chất lượng khai thác thông tin cho sinh viên.

Bảng 6 Danh mục giáo trình các môn chuyên ngành của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
1	Giáo trình Luật Du Lịch	Vũ Thị Hồng	NXB Thống kê	2020	Luật du lịch
3	Giáo trình Địa lý du lịch	Phạm Thị Vân	NXB Thống kê	2018	Địa lý du lịch
4	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng	NXB Giáo dục Việt Nam	2020	Cơ sở văn hóa Việt Nam
5	Giáo trình Quản trị Kinh doanh khách sạn	Trần Đức Thành	NXB Giáo dục Việt Nam	2016	Thực tập nhận thức về khách sạn
6	Quản trị dịch vụ ăn uống chuyên nghiệp	Stephen B. Shiring	NXB Bách Khoa Hà Nội	2018	Thực tập nhận thức về nhà hàng
7	Giáo trình Quản trị Kinh	Trần Đức Thành	NXB Giáo dục	2020	Thực tập nhận thức

	doanh lý hành		Việt Nam		về lý hành
8	Tổng quan du lịch, nhà hàng, khách sạn	Delmar	NXB Bách khoa Hà Nội	2017	Tổng quan về du lịch
9	Quản trị kinh doanh lý hành	Trần Đức Thành	NXB Giáo dục Việt Nam	2020	Quản trị Kinh doanh lý hành
10	Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn	PGS. TS Nguyễn Văn Mạnh & TS. Hoàng Thị Lan Hương	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2013	Quản trị Kinh doanh khách sạn
11	Quản trị dịch vụ ăn uống chuyên nghiệp	Stephen B. Shiring	NXB Bách Khoa Hà Nội	2018	Quản trị Kinh doanh nhà hàng
12	Marketing du lịch	PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh & PGS.TS Nguyễn Đình Hòa,	NXB Đại học kinh tế quốc dân	2015	Marketing du lịch
13	Tài nguyên du lịch	Bùi Thị Hải Yến, Phạm Hồng Long	NXB Giáo dục (Ebook)	2007	Tài nguyên du lịch
14	Du lịch Việt Nam từ lý thuyết đến thực tiễn	Phan Huy Xu và Võ Văn Thành	NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh	2018	Các loại hình du lịch
15	Nghiệp vụ kinh doanh lý hành	Lê Thu Hương	NXB Giáo dục Việt Nam	2015	Thực tập nghiệp vụ lý hành
16	Giáo trình Quản lý hoạt động điểm và khu du lịch	Nguyễn Bá Lâm	Đại học KD và CN Hà Nội	2011	Thực tập nghiệp vụ tại điểm và khu du lịch
17	Giáo trình nghiệp vụ kinh doanh khách sạn	Trần Đức Thành – Lê Thu Hương	NXB Hà Nội	2020	Thực tập nghiệp vụ khách sạn
18	Tổ chức kinh doanh nhà hàng	Trịnh Xuân Dũng	NXB Lao động – Xã hội	2003	Thực tập nghiệp vụ nhà hàng
19	Nghiệp vụ kinh doanh lý hành	Lê Thu Hương	NXB Giáo dục Việt Nam	2015	Nghiệp vụ kinh doanh lý hành
20	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Dương Thị Thu Hà	NXB Giáo dục	2015	Hướng dẫn du lịch
21	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn	NXB Đại học	2012	Quan hệ giữa doanh

	lữ hành	Mạnh	kinh tế quốc dân		ng nghiệp lữ hành và các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ du lịch
22	Giáo trình nghiệp vụ kinh doanh khách sạn	Trần Đức Thành – Lê Thu Hương	NXB Hà Nội	2020	Nghiệp vụ kinh doanh khách sạn
23	Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn	PGS. TS Nguyễn Văn Mạnh & TS. Hoàng Thị Lan Hương	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2013	Quản lý dịch vụ hỗ trợ trong khách sạn
24	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn	Trịnh Xuân Dũng	NXB Văn hóa Thông tin	2003	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn
25	Nghiệp vụ phục vụ ăn uống	Trịnh Xuân Dũng	NXB Thống kê	2005	Nghiệp vụ kinh doanh nhà hàng
26	Quản trị dịch vụ ăn uống chuyên nghiệp	Stephen B. Shiring	NXB Bách Khoa Hà Nội	2018	Quản lý an toàn thực phẩm và vệ sinh ăn uống
27	Quản trị chuỗi cung ứng	Nguyễn Thành Hiếu	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2015	Quản lý chuỗi cung ứng nguyên liệu hàng hoá trong nhà hàng
28	Giáo trình khởi sự kinh doanh.	Nguyễn Ngọc Huyền, Ngô Thị Việt Nga	Nhà xuất ĐH Kinh tế quốc dân	2017	Khởi sự kinh doanh du lịch
29	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch	Nguyễn Văn Đỉnh và Nguyễn Văn Mạnh,	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2012	Nghệ thuật giao tiếp và ứng xử trong kinh doanh du lịch
30	Tổ chức sự kiện	Trần Đức Thành	Nhà xuất bản Thống kê	2017	Tổ chức sự kiện
31	Giáo trình Quản lý hoạt động điểm và khu du lịch	Nguyễn Bá Lâm	Đại học KD và CN Hà Nội	2011	Quản lý điểm và khu du lịch (đối với sinh viên chọn chuyên ngành lữ hành)

32	Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn	Trần Đức Thành	NXB Giáo dục	2015	Quản trị dịch vụ buồng phòng (đối với sinh viên chọn chuyên ngành khách sạn)
33	Giáo trình Văn hóa ẩm thực	Nguyễn Nguyệt Cầm	NXB Hà Nội (Ebook)	2008	Ẩm thực và văn hoá ẩm thực (đối với sinh viên chọn chuyên ngành nhà hàng)
34	Thương mại điện tử	Trần Văn Hòe	NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	2015	Thương mại điện tử trong du lịch
35	Giao tiếp Tiếng Anh chuyên ngành Khách sạn.	Quỳnh Như	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.	2015	Tiếng Anh chuyên ngành

Bảng 7. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Số TT	Tên sách chuyên khảo/ tạp chí	Tên tác giả, Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản, số, tập, năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
Sách chuyên khảo				
1.	Cẩm nang Hướng dẫn du lịch	Quỳnh Như, NXB Thế Giới	2017	Các môn cơ sở và chuyên ngành
2.	Luật Du Lịch	NXB Lao động	2018	Các môn cơ sở và chuyên ngành
3.	Non nước Việt Nam	Tổng Cục Du lịch	2008	Các môn cơ sở và chuyên ngành
4.	Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường	Đặng Xuân Hoan, NXB Chính trị Quốc gia sự thật	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
5.	Động lực mới từ kinh tế tư nhân	NXB Thông tin	2017	Các môn cơ sở và chuyên ngành
6.	Một số vấn đề về du lịch Việt Nam	Đinh Trung Kiên, NXB Đại học Quốc	2006	Các môn cơ sở và chuyên ngành

		Gia Hà Nội		
7.	Việt Nam Sử Lược	Trần Trọng Kim, NXB Tổng hợp TP HCM	2005	Các môn cơ sở và chuyên ngành
8.	Văn hóa Kinh doanh	Dương Thị Liễu, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2006	Các môn cơ sở và chuyên ngành
9.	Du lịch Việt Nam từ lý thuyết đến thực tiễn	Phan Huy Xô, Võ Văn Thành, NXB Tổng hợp TP HCM	2018	Các môn cơ sở và chuyên ngành
Tạp chí				
10.	Kinh tế dự báo	Bộ Kế hoạch và đầu tư	04/2021	Các môn cơ sở và chuyên ngành
11.	Kinh tế dự báo	Bộ Kế hoạch và đầu tư	02/2021	Các môn cơ sở và chuyên ngành
12.	Tạp chí Tài Chính	Bộ Tài Chính	2021	
13.	Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội	Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội	2021	Các môn cơ sở và chuyên ngành
14.	Tạp chí Tài Chính	Bộ Tài Chính	3/2019	Các môn cơ sở và chuyên ngành
15.	Hội thảo khoa học Quốc gia	NXB Hà Nội	2018	Các môn cơ sở và chuyên ngành
16.	Tạp chí Kinh doanh và công nghệ	Đại học KD và CN	2019	Các môn cơ sở và chuyên ngành
17.	Sustainability	MDPI	2021	Các môn cơ sở và chuyên ngành
18.	Transactions on Environment and Development	WSEAS	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
19.	Uncertain Supply Chain Management	WSEAS	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
20.	International Journal of culture, tourism and hospitality	Emeral	2009	Các môn cơ sở và chuyên ngành
21.	Journal of the Faculty of Economics and Administrative Sciences	Cankiri karatekin university	2013	Các môn cơ sở và chuyên ngành

Trang thông tin điện tử của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ: <http://www.uls.edu.vn/> được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục, cũng như những thông tin khác cần công khai theo quy định. Cụ thể như sau:

1. Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

[http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2017\(1\).pdf](http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2017(1).pdf)

2. Công khai chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

<http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bieu%20mau%20so%2018%20Cong%20khai%20TT%20CLDT%20thuc%20te%20DH%20LDXH%202018-2019.pdf>

3. Công khai cơ sở vật chất của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

[http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2019\(2\).pdf](http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2019(2).pdf)

4. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

[http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2020\(1\).pdf](http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2020(1).pdf)

5. Công khai tài chính của của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

[http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2021\(1\).pdf](http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2021(1).pdf)

1.4. Về hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

- Nghiên cứu khoa học

Từ năm 2016 đến nay Trường Đại học Lao động – Xã hội đã thực hiện nghiên cứu 327 đề tài, trong đó có 01 đề tài cấp Nhà nước và 21 đề tài cấp Bộ; Trường đã biên soạn, biên dịch được 202 giáo trình, tài liệu; Trường có 1026 bài đăng tạp chí, trong đó có 143 bài đăng tạp chí quốc tế (59 bài đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus hoặc ISI); Trường có 1056 bài đăng kỷ yếu hội thảo, trong đó có 169 bài đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế. Hiện nay trường đang thực hiện 01 đề tài NCKH cấp nhà nước thuộc Ủy ban Dân tộc chuẩn bị nghiệm thu.

Những công trình khoa học đã góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, giảng viên trong Trường.

Bảng 9. Kết quả nghiên cứu khoa học giai đoạn 2016-2021 của Trường Đại học Lao động - Xã hội

Số TT	Nội dung	Số lượng		Số lượng
		Tổng	Khoa QTKD	
1.	Đề tài	372	25	
	Đề tài cấp Nhà nước	01	0	
	Đề tài cấp Bộ	21	2	
	Đề tài cấp Trường	350	23	
2.	Giáo trình, tài liệu	202	22	
3.	Bài đăng tạp chí	1026	101	
	Bài đăng tạp chí trong nước	883	90	
	Bài đăng tạp chí quốc tế (tổng)	143	11	
	Bài đăng tạp chí quốc tế (đăng trên tạp chí thuộc danh mục Schopus hoặc ISI)	59	5	
4.	Bài đăng kỷ yếu hội thảo	1056	61	
	Bài đăng kỷ yếu hội thảo trong nước	887	49	
	Bài đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế	169	12	

Công tác NCKH của Khoa Quản trị kinh doanh cũng đã đạt được những kết quả rất tốt. Trong giai đoạn 2016-2021, đội ngũ giảng viên của khoa đã thực hiện 25 đề tài trong đps 02 đề tài cấp bộ, 23 đề tài cấp Trường; biên soạn được 22 giáo trình, tài liệu; Viết 90 bài đăng trên các tạp chí trong nước, 11 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế, 5 bài đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus hoặc ISI; Khoa cũng đã có 49 bài đăng kỷ yếu hội thảo trong nước và 12 bài viết được đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế.

Ngoài việc chủ trì thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Lao động - Xã hội cũng hợp tác với một số bộ ngành trong nước và các tổ chức quốc tế, các trường đại học nước ngoài để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học như hợp tác

với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính sách giảm nghèo cho lao động ngành thủy sản; hợp tác với UNICEF thực hiện các nghiên cứu về nghèo đói, HIV, lao động trẻ em...; hợp tác với đại học Regina của Canada, Yonsei của Hàn Quốc để thực hiện các nghiên cứu về Công tác xã hội, người Việt nam đi lao động ở nước ngoài... Trong những năm gần đây, Nhà trường đã phối hợp với một số địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Lai Châu để thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu và hội thảo khoa học cấp tỉnh/thành phố. Nhiều giảng viên của Trường đã và đang hợp tác với nhiều viện nghiên cứu, trường đại học ở khu vực miền bắc để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, nhiều giảng viên của trường, với tư cách cá nhân, đã và đang tham gia tư vấn cho các doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến tổ chức lao động, định mức lao động, xây dựng quy chế trả lương, an toàn - vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội, ...

- Hợp tác quốc tế:

Trong những năm qua, trường có quan hệ hợp tác với hơn 30 tổ chức và trường đại học trên thế giới như: Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF), Tổ chức Lao động thế giới (ILO), Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ Vì nhân dân châu Á – Thái Bình Dương (AFAP), Quỹ Quốc tế Singapore, các tổ chức: Actoin Aid, CIDA (Canada), Caritas (Đức), WWO (Hoa Kỳ), CFSI; Trường Đại học Memorial (Canada), Đại học Phụ nữ Philipin, ... Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị nhân lực với trường đại học Limkokwing của Malaysia; tham gia nhiều dự án hợp tác, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lao động do chính phủ và một số tổ chức quốc tế tài trợ như dự án SIIR về quan hệ lao động, dự án Canada pha 2 về tăng cường năng lực cho giảm nghèo thông qua đào tạo... Các dự án tài trợ, hợp tác quốc tế đã mang lại nhiều cơ hội cho Nhà trường và góp phần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảng viên trong việc học tập, giảng dạy, nghiên cứu, các hoạt động thực tiễn... Cũng từ đó, vị thế của Trường Đại học Lao động - Xã hội cũng từng bước được nâng cao.

Các dự án về chuyển giao công nghệ điều trị nghiện chất phòng, chống HIV do Đại học California, Los Angles (UCLA) tài trợ từ nguồn kinh phí của Cục quản lý dịch vụ điều trị nghiện chất và sức khỏe tâm thần (SAMHSA) và dự án Thúc đẩy hòa nhập của người khuyết tật do Tổ chức Caritas tài trợ. Các dự án đã hỗ trợ nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên về lĩnh vực hòa nhập cho người khuyết tật, điều trị nghiện ma túy, mở rộng mạng lưới và mối quan hệ hợp tác giữa Trường với các cơ sở cai nghiện trong nước và các

viện nghiên cứu và trường đại học trong và ngoài nước trong lĩnh vực điều trị nghiện ma túy.

2. Tóm tắt chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

2.1 Thông tin chung:

Tên chương trình	: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Mã số	: 7810103
Loại hình đào tạo	: Chính qui
Thời gian đào tạo	: 4 năm

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 124 tín chỉ (chưa tính các học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng, an ninh), trong đó:

- Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành: 19 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi: 40 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ: 22 tín chỉ
- Kiến thức nền tảng rộng: 28 tín chỉ
 - + Khoa học tự nhiên: 7 tín chỉ
 - + Khoa học chính trị: 11 tín chỉ
 - + Pháp luật: 2 tín chỉ
 - + Tin học: 8 tín chỉ
- Kiến thức khác ngành: 2 tín chỉ
- Kiến thức đại cương khác: 13 tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học chính qui.

Qui trình tuyển sinh và điều kiện tuyển sinh: Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học chính qui.

Quy mô tuyển sinh dự kiến:

- Năm 2021: 50
- Năm 2022: 150
- Năm 2023: 200

2.2. Chương trình đào tạo.

TT	Mã HP	Tên học phần		Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành						
1.1.1	Các học phần bắt buộc					
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	Microeconomic	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến hành vi của người sản xuất và người tiêu dùng như: Lý thuyết cung cầu hàng hóa và dịch vụ; Độ co giãn của cung và cầu; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất; Các cấu trúc thị trường.	45/0/90	
1.1.1.2	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomic	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản khi xem xét nền kinh tế của quốc gia: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như	45/0/90	

				GDP, GNP, giá cả, lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt hay thặng dư thương mại.		
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	Statistical principles	Học phần này bao gồm các nội dung sau: Những vấn đề chung của Thống kê học; Thu Thập dữ liệu Thống kê; Tổng hợp Thống kê; Nghiên cứu đặc điểm, bản chất của hiện tượng kinh tế - xã hội; Phân tích hiện tượng KT-XH theo thời gian; Phân tích biến động của hiện tượng KT-XH bằng phương pháp chỉ số.	30/060	
1.1.1.4		Luật du lịch	Tourism law	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về pháp luật và quy định đặc thù có liên quan đến hoạt động kinh doanh du lịch, làm cơ sở để vận dụng trong hoạt động kinh doanh du lịch.	30/0/60	

1.1.1.5	MARC0522H	Marketing căn bản	Basic marketing	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng phát triển và ứng dụng của Marketing trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing; Đặc tính và hành vi của khách hàng, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường; Bốn công cụ chủ yếu trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chương trình marketing hỗn hợp.	30/0/60	
1.1.1.	QTHO0522H	Quản trị học	Administration Theory	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về quản trị tổ chức; Các lý thuyết quản trị; Môi trường quản trị; Quyết định quản trị; Chức năng lập kế hoạch; Chức năng tổ chức; Chức năng lãnh đạo; Chức năng kiểm soát.	30/0/60	

1.1.2	<i>Các học phần tự chọn (chọn 5 TC)</i>					
1.1.2.1		Lịch sử văn minh thế giới	History of World Civilization	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khái quát và hệ thống về các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử loài người từ phương Đông sang phương Tây, từ thời cổ đại cho đến hiện đại: sự hình thành, ra đời, quá trình phát triển; các thành tựu trên các lĩnh vực khoa học-kỹ thuật, văn hoá- nghệ thuật, tôn giáo.... Và ứng dụng thực tiễn đối với phát triển du lịch	30/0/60	
1.1.2.2		Địa lý du lịch	Tourism Geography	Học phần cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về mối quan hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch trên một đơn vị lãnh thổ du lịch; đồng thời dự báo và nêu lên những giải pháp để hệ thống ấy hoạt động tối ưu. Địa lý	30/0/60	

				du lịch cung cấp cho sinh viên ngành du lịch kiến thức cơ bản về hệ thống tổ chức lãnh thổ du lịch, các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch trên một đơn vị lãnh thổ, đặc điểm các vùng du lịch Việt Nam.		
1.1.2.3		Cơ sở văn hóa Việt Nam	Vietnamese Culture	Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề khái quát về văn hóa, diễn trình, các phân vùng và đặc điểm Văn hóa Việt Nam trên các lĩnh vực; nhằm giáo dục ý thức giữ gìn phát huy những tinh hoa văn hóa dân tộc, có bản lĩnh vững vàng khi tiếp biến giao lưu với bên ngoài. Qua đó sinh viên ứng dụng thực tiễn đối với phát triển các hoạt động du lịch.	30/0/60	
1.1.2.4		Thực tập nhận thức về khách sạn	Hotel Awareness Internship	Thực tập nhận thức tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với môi trường làm việc thực tế tại khách sạn để sinh viên	0/90/180	

				tự trang bị thêm những kỹ năng, kiến thức từ thực tiễn làm việc tại khách sạn. Nội dung môn học thiết kế nhằm giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức của một khách sạn: các vị trí công việc tại các phòng ban cụ thể. Sinh viên cũng có cơ hội tiếp cận, quan sát một số công việc nhất định tại khách sạn như: Lễ tân, Buồng, tổ chức sự kiện và các dịch vụ bổ trợ khác ... các công việc về tổ chức, quản trị, hành chính – văn phòng tại khách sạn.		
1.1.2.5		Thực tập nhận thức về nhà hàng	Restaurant Awareness Internship	Thực tập nhận thức tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với môi trường làm việc thực tế tại nhà hàng để sinh viên tự trang bị thêm những kỹ năng, kiến thức từ thực tiễn làm việc tại nhà hàng. Nội dung môn học thiết kế nhằm giúp cho sinh viên có kiến thức	0/90/180	

				cơ bản về cơ cấu tổ chức của một nhà hàng: các vị trí công việc tại các bộ phận cụ thể. Sinh viên cũng có cơ hội tiếp cận, quan sát một số công việc nhất định tại nhà hàng như: nghiệp vụ bếp, nghiệp vụ bàn, bar, tổ chức sự kiện ... các công việc về tổ chức, quản trị, hành chính – văn phòng tại nhà hàng..		
1.1.2.6		Thực tập nhận thức về lễ hành	Tourism Awareness Internship	Thực tập nhận thức tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với môi trường làm việc thực tế tại cơ doanh nghiệp lữ hành để sinh viên tự trang bị thêm những kỹ năng, kiến thức từ thực tiễn làm việc tại doanh nghiệp. Nội dung môn học thiết kế nhằm giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức của một doanh nghiệp lữ hành: các vị trí công việc tại các phòng ban cụ thể. Sinh viên cũng có cơ hội tiếp	0/90/180	

				cận, quan sát một số công việc nhất định tại công ty lễ hành như: Thiết kế chương trình du lịch, hướng dẫn du lịch, điều hành chương trình du lịch... các công việc về tổ chức, quản trị, hành chính – văn phòng tại doanh nghiệp lễ hành.		
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi						
1.2.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>					
1.2.1.1	QTCL0523H	Quản trị chiến lược	Strategic Administration	Học phần này cung cấp những kiến thức sau: Tổng quan về Quản trị chiến lược; Phân tích môi trường kinh doanh; Phân tích môi trường nội bộ doanh nghiệp; Xây dựng lợi thế cạnh tranh; Các loại chiến lược trong kinh doanh; Lựa chọn và thực hiện chiến lược; Đánh giá và điều chỉnh chiến lược.	45/0/90	
1.2.1.2	LTTC0523H	Lý thuyết tổ chức	Organizational Theory	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát chung	45/0/90	

				về giới thiệu về tổ chức và lý thuyết tổ chức; Mục tiêu, chiến lược và thiết kế cấu trúc tổ chức; Các yếu tố hệ thống bên ngoài tổ chức; Các yếu tố bên trong tổ chức ảnh hưởng tới thiết kế tổ chức; Quản lý quá trình hoạt động của tổ chức; Nghiên cứu sự đổi mới và các thay đổi trong tổ chức.		
1.2.1.3	QTNL0223H	Quản trị nhân lực	Human Resource Management	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về quản trị nhân lực: Bản chất, vai trò, chức năng của quản trị nhân lực; Các quan điểm, các học thuyết của quản trị nhân lực; Các nghiệp vụ cơ bản của quản trị nhân lực: hoạch định nhân lực, tuyển dụng nhân lực, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo nhân lực và quản trị thù lao.	45/0/90	
1.2.1.4		Tổng quan về du lịch	Tourism Overview	Học phần tổng quan du lịch trang bị cho sinh viên nắm được kiến thức cơ	45/0/90	

				bản về ngành du lịch, những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành du lịch. Sinh viên cũng sẽ tìm hiểu về quá trình hình thành phát triển của hoạt động du lịch, điều kiện phát triển du lịch, sản phẩm du lịch, thời vụ du lịch, các lĩnh vực kinh doanh du lịch.		
1.2.1.5		Quản trị kinh doanh lễ hành	Travel Management	Học phần cung cấp các kiến thức về chuyên ngành Quản trị kinh doanh Lễ hành bao gồm: Những vấn đề cơ bản về kinh doanh lễ hành, công nghệ lễ hành, hoạt động trung gian và mối quan hệ giữa lễ hành với các nhà cung cấp sản phẩm dịch vụ du lịch, xây dựng các chương trình du lịch trong nước trọn gói, tổ chức các hoạt động quảng cáo, bán và thực hiện các chương trình du lịch, quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ của hãng lễ hành, chất lượng và chính sách kinh	45/0/90	

				doanh của hãng lữ hành.		
1.2.1.6		Quản trị Kinh doanh khách sạn	Hospitality Management	Học phần cung cấp các kiến về khách sạn kinh doanh khách sạn, các hoạt động quản lý, tổ chức, tác nghiệp trong kinh doanh lưu trú như cơ cấu tổ chức, quản trị nguồn nhân lực, quản trị kinh doanh buồng phòng, ăn uống, quản trị marketing, tài chính, quản trị chất lượng dịch vụ trong khách sạn.	45/0/90	
1.2.1.7		Quản trị Kinh doanh nhà hàng	Restaurant Management	Học phần cung cấp các kiến thức về nhà hàng và kinh doanh nhà hàng các hoạt động quản lý, tổ chức, tác nghiệp trong kinh doanh nhà hàng như cơ cấu tổ chức, quản trị nguồn nhân lực, tổ chức phục vụ tại nhà hàng, quản trị marketing, tài chính, quản trị chất lượng dịch vụ trong khách sạn.	45/0/90	
1.2.1.8		Marketing du lịch	Tourism	Học phần trang bị cho sinh viên	45/0/90	

			Marketing	những kiến thức cơ bản bao gồm: Tổng quan về marketing du lịch, nâng cao hiệu quả trong marketing dịch vụ du lịch, khác biệt hóa và định vị dịch vụ của doanh nghiệp du lịch, chất lượng dịch vụ du lịch, Marketing Mix dịch vụ du lịch, lập kế hoạch, tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ trong doanh nghiệp du lịch.		
1.2.1.8		Tài nguyên du lịch	Tourism Resources	Học phần trang bị cho sinh viên có các kiến thức cơ bản về tài nguyên du lịch bao gồm tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, di sản tự nhiên của Việt Nam và Thế giới, mối quan hệ giữa tài nguyên du lịch và điểm đến, cũng như Quản lý và Bảo tồn tài nguyên du lịch và Phát triển bền vững tài nguyên du lịch	45/0/90	
1.2.1.9		Các loại hình du lịch	Type of Tourism	Học phần cung cấp cho sinh viên các	45/0/90	

		lịch		kiến thức về tổng quát về các loại hình du lịch, các loại hình du lịch khu vực miền núi, các loại hình du lịch vùng đồng bằng và các loại hình du lịch biên, xu hướng phát triển các loại hình du lịch trên thế giới và Việt Nam		
1.2.2	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)					
1.2.2.1		Thực tập nghiệp vụ lữ hành	Travel Professional Internship	Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về thực tiễn hoạt động du lịch tại các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành bao gồm: Xây dựng chương trình du lịch, tổ chức thực hiện chương trình du lịch, hướng dẫn du lịch và các hoạt động trung gian khác của doanh nghiệp lữ hành (đại lý du lịch, tư vấn du lịch, cho thuê phương tiện vận chuyển...). Vận dụng những kiến thức cơ bản đã học áp dụng vào thực tế tại cơ sở doanh nghiệp thực tập.	0/300/600	
1.2.2.2		Thực tập nghiệp vụ	Professional	Môn học cung cấp kiến thức tổng	0/300/600	

		vụ tại điểm và khu du lịch	Internship at Tourist Destination	quan về thực tế hoạt động du lịch tại các điểm và khu du lịch bao gồm: tìm hiểu các loại hình, sản phẩm và hoạt động du lịch tại điểm đến, tổ chức thăm quan tại điểm và khu du lịch, hướng dẫn tại điểm và khu du lịch, tổ chức các hoạt động thương mại tại điểm và khu du lịch. Vận dụng những kiến thức cơ bản đã học áp dụng vào thực tế tại điểm và khu du lịch thực tập.		
1.2.2.3		Thực tập nghiệp vụ khách sạn	Hospitality Professional Internship	Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về thực tế hoạt động du lịch tại các khách sạn bao gồm: Lễ tân khách sạn, nghiệp vụ phục vụ buồng, nghiệp vụ phục vụ ăn uống trong khách sạn, tổ chức sự kiện và các dịch vụ bổ trợ khác (giặt là, chăm sóc sức khỏe, làm đẹp, các hoạt động giải trí khác....).	0/300/600	

				Vận dụng những kiến thức cơ bản đã học áp dụng vào thực tế thông qua các nghiệp tại cơ sở thực tập.		
1.2.2.4		Thực tập nghiệp vụ nhà hàng	Restaurant Professional Internship	Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về thực tế hoạt động du lịch tại các nhà hàng bao gồm: các nghiệp vụ thu mua nguyên liệu hàng hoá, chế biến món ăn, thực đơn, đón khách, phục vụ bàn, bar, và các hoạt động khác trong kinh doanh nhà hàng. Vận dụng những kiến thức cơ bản đã học áp dụng vào thực tế tại cơ sở doanh nghiệp thực tập.	0/300/600	
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ						
Sinh viên lựa chọn 1 trong 3 chuyên ngành sau:						
Chuyên ngành Quản trị kinh doanh lý hành						
1.3.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>					
1.3.1.1		Nghiệp vụ kinh doanh lý hành	Travel business operations	Nội dung học phần bao gồm các vấn đề tổng quát về nghiệp vụ kinh doanh	60/0120	

				lữ hành. Sinh viên có được các kiến thức cơ bản như: Nghiệp vụ Hậu cần kinh doanh lữ hành bao gồm nghiệp vụ lựa chọn nhà cung ứng, Hợp đồng và ký kết hợp đồng, thực hiện hợp đồng. Nghiệp vụ Tổ chức sản xuất và thực hiện chương trình du lịch bao gồm: Xây dựng chương trình du lịch, Tổ chức thực hiện chương trình du lịch, Nghiệp vụ điều hành chương trình du lịch. Nghiệp vụ Quảng bá và bán chương trình du lịch và nghiên cứu khách du lịch		
1.3.1.2		Hướng dẫn du lịch	Tourguide	Nắm vững và vận dụng được kiến thức tổng quát về hướng dẫn du lịch, các phẩm chất cần có của một người hướng dẫn viên du lịch, nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, tham quan du lịch và phương pháp hướng dẫn tham quan, cách xử lý tình huống trong hoạt	45/0/90	

				động hướng dẫn du lịch.		
1.3.1.3		Quan hệ giữa doanh nghiệp lữ hành và các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ du lịch	Relationship between travel company and tourism service providers	Học phần cung cấp kiến thức về về đặc điểm hoạt động,vai trò của mối quan hệ giữa doanh nghiệp lữ hành với các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ.Những nguyên tắc,nội dung, phương thức thiết lập mối quan hệ giữa các doanh nghiệp.Xây dựng,phát triển mối quan hệ giữa các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ và doanh nghiệp lữ hành.Thiết lập quan hệ với doanh nghiệp cung ứng nước ngoài và ký kết hợp đồng cung ứng các dịch vụ giữa các doanh nghiệp	45/0/90	
Chuyên ngành Quản trị kinh doanh khách sạn						
1.3.1.4		Nghiệp vụ kinh doanh khách sạn	Hospitality business operations	Nội dung của học phần cung cấp các kiến thức Khái quát về quy trình nghiệp vụ kinh doanh khách sạn, quy trình nhận đặt buồng, quy trình đón	60/0/120	

				khách và làm thủ tục nhập khách sạn, quy trình phục vụ khách lưu trú, nghiệp vụ kinh doanh buồng, nghiệp vụ kinh doanh nhà hàng, nghiệp vụ kinh doanh dịch vụ bổ trợ, quan hệ đối tác, thanh toán tiền khách.... tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, phàn nàn của khách		
1.3.1.5		Quản lý dịch vụ bổ trợ trong khách sạn	Auxiliary services management in the hotel	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về quản lý các dịch vụ bổ trợ trong khách sạn: Cung cấp thông tin, tổ chức các hội nghị, hội thảo, chăm sóc sức khỏe, thể dục thể thao, bảo quản tiền, vàng và đồ vật quý hiếm, kinh doanh Mini bar, giặt là, phục vụ ăn, uống tại buồng ngủ, dịch vụ thư ký, phiên dịch	45/0/90	
1.3.1.6		Quản trị lễ tân khách sạn	Hotel receptionist	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nghiệp vụ lễ tân trong	45/0/90	

			management	khách sạn, xây dựng kế hoạch hoạt động cho bộ phận lễ tân. Các nghiệp vụ phục vụ khách của bộ phận lễ tân. Cách thức tiếp thị và bán sản phẩm của bộ phận lễ tân, thông qua việc đánh giá kết quả hoạt động của bộ phận lễ tân để thấy hiệu quả của bộ phận và có những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ phận lễ tân trong kinh khách sạn.		
Chuyên ngành Quản trị kinh doanh nhà hàng						
1.3.1.7		Nghiệp vụ kinh doanh nhà hàng	Restaurant business operations	Học phần cung cấp các kiến thức về nghiệp vụ kinh doanh nhà hàng. Cụ thể: nghiệp vụ chăm sóc khách hàng, thu mua, bảo quản, lưu trữ nguồn nguyên liệu. Cách thức tổ chức phân phối bán sản phẩm dịch vụ nhà hàng thông qua chế biến thực đơn và các dịch vụ bổ trợ. Học phần còn làm rõ được vai trò của tổ chức lao động	60/0/120	

				trong kinh doanh nhà hàng và các loại hình, kỹ thuật phục vụ trong nhà hàng		
1.3.1.8		Quản lý an toàn thực phẩm và vệ sinh ăn uống	Food safety and hygiene management	Học phần trang bị cho sinh viên nắm vững và vận dụng được kiến thức bao gồm: Chất lượng thực phẩm và hoạt động quản lý, ô nhiễm thực phẩm và các nguyên nhân, phân tích đánh giá an toàn vệ sinh thực phẩm, phương pháp kiểm tra, thanh tra an toàn vệ sinh thực phẩm và tư vấn luật thực phẩm, giáo dục sức khỏe cộng đồng, hệ thống tiêu chuẩn hóa trong an toàn vệ sinh thực phẩm (HACCP, ISO 9000, ISO 22000: 2005, SQF, GMP, SSOP).	45/0/90	
1.3.1.9		Quản lý chuỗi cung ứng nguyên liệu hàng hoá trong nhà hàng	Supply chain management in restaurants	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản lý chuỗi cung ứng nguyên liệu. Nội dung quản lý chuỗi cung ứng. Quản lý sử dụng chuỗi cung ứng	45/0/90	

				nguyên liệu và chất lượng chuỗi cung ứng. Ký kết hợp đồng mua bán nguyên liệu giữa các doanh nghiệp du lịch		
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 1/3)					
1.3.2.1		Khởi sự kinh doanh du lịch	Tourism startup	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cốt yếu cho việc khởi sự kinh doanh như những kế sách, công nghệ, địa điểm, marketing, tài chính, ý tưởng được lựa chọn cho khởi nghiệp kinh doanh, lập kế hoạch cụ thể cho khởi sự kinh doanh, và thực hành lập kế hoạch kinh doanh cho việc khởi sự.	30/0/60	
1.3.2.2	KNPV0522H	Nghệ thuật giao tiếp và ứng xử trong kinh doanh du lịch	Communication and behavior in tourism business	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về tâm lý học trong giao tiếp, hoạt động giao tiếp, ứng dụng tâm lý học trong giao tiếp ứng xử trong kinh doanh, các kỹ năng giao tiếp cơ bản trong kinh doanh, tâm lý	30/0/60	

				nhóm và giao tiếp nhóm trong kinh doanh du lịch.		
1.3.2.3	NVKD0522H	Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn việc làm	Job interviews skills	Học phần giới thiệu các nội dung kiến thức về quy trình tuyển dụng, vai trò, nguyên tắc của việc ứng xử và phỏng vấn xin việc; Các kỹ năng chuẩn bị cho buổi phỏng vấn việc làm, giao tiếp ứng xử trong khi phỏng vấn việc làm.	30/0/60	
1.3.3	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	End-of-course Internship	Nắm vững và vận dụng được kiến thức thực tế trong quá trình thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp kinh doanh nói chung hoặc doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực khách sạn hoặc du lịch nói riêng. Đồng thời hướng dẫn sinh viên thực hiện báo cáo tốt nghiệp về quản trị kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp kinh doanh trong ngành khách sạn và du lịch về các lĩnh vực như	0/120/240	

				quản trị kinh doanh du lịch, quản lý marketing, quản lý nhân lực, quản lý tour, quản lý chất lượng dịch vụ...		
1.3.4	<i>Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)</i>					
1.3.4.1		Tổ chức sự kiện	Event management	Học phần trang bị cho sinh viên nắm được tổng quát về tổ chức sự kiện, Qua đó ứng dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn tổ chức sự kiện tại các doanh nghiệp du lịch, khách sạn, nhà hàng và tại điểm và khu du lịch. Nội dung của học phần bao gồm: Tổng quan về tổ chức sự kiện, kế hoạch tổ chức sự kiện, hậu cần tổ chức sự kiện, điều hành sự kiện và đánh giá sự kiện	45/0/90	
1.3.4.2		Quản lý điểm và khu du lịch (đối	Destination management	Cung cấp nền tảng kiến thức về quản lý điểm đến du lịch, bao gồm các nội	45/0/90	

		với sinh viên chọn chuyên ngành lễ hành)		dung khái quát về điểm đến du lịch, tổ chức quản lý điểm đến du lịch, chiến lược và quy hoạch phát triển điểm đến du lịch, marketing điểm đến du lịch và chất lượng điểm đến du lịch.		
1.3.4.3		Quản trị dịch vụ buồng phòng (đối với sinh viên chọn chuyên ngành khách sạn)	Room Management	Nội dung học phần cung cấp các kiến thức về quản trị dịch vụ buồng phòng bao gồm: khái quát về quản lý buồng phòng trong khách sạn; quản lý lao động và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận buồng; quản lý và vận hành khu vực buồng và khu vực công cộng thuộc bộ phận buồng; quản lý kho, quản lý khu vực giặt là; khu vực vườn hoa, cây cảnh	45/0/90	
1.3.4.4		Ẩm thực và văn hoá ẩm thực (đối với sinh viên chọn chuyên ngành nhà hàng)	Culinary and culinary culture	Nội dung của học phần bao gồm: Giới thiệu tổng quan về ẩm thực và văn hóa ẩm thực, ẩm thực Việt Nam, văn hóa ẩm thực Việt Nam, Khai thác văn hoá ẩm thực vào phát triển du lịch và Bảo	45/0/90	

				tôn văn hoá ẩm thực Việt Nam trong bối cảnh hội nhập.		
1.3.4.5		Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	Nắm vững và vận dụng được kiến thức thực tế chuyên sâu trong quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, cung cấp tài liệu và hướng dẫn sinh viên thực hiện có thể nghiên cứu và định hình những ý tưởng hoặc các giải pháp nhằm cải tiến doanh nghiệp trong ngành kinh doanh du lịch về các lĩnh vực như quản trị kinh doanh lữ hành, quản trị kinh doanh tại điểm và khu du lịch, quản trị kinh doanh khách sạn hoặc quản trị kinh doanh nhà hàng.	0/180/360	
1.4 Kiến thức nền tảng rộng						
1.4.1 Khoa học tự nhiên						
1.4.1.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	Advanced Math 1	Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức; Hệ phương trình tuyến tính;	30/0/60	

				Không gian vector và các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector; Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ và cơ sở của không gian con R^n ; Ứng dụng của đại số tuyến tính trong phân tích mô hình cân bằng cung cầu, mô hình cân đối liên ngành.		
1.4.1.2	TCC21122L	Toán cao cấp 2	Advanced Math 2	Học phần gồm 3 chương, chứa đựng các kiến thức cơ bản cần thiết của giải tích và một số ứng dụng trong kinh tế: Dãy số giới hạn của dãy số; hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục; Đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số một biến số; Cực trị của hàm số một biến số; Ứng dụng của đạo hàm, tích phân trong phân tích kinh tế; Hàm	30/0/60	

				số hai biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số; Hàm thuần nhất; Cực trị của hàm hai biến số; Ứng dụng của đạo hàm riêng, vi phân trong kinh tế học; Đạo hàm riêng cấp 2 và qui luật năng suất cận biên giảm dần; Hệ số co dãn; Hệ số thay thế.		
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	Probability theory and Mathematical Statistics	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê toán. Học phần cũng giúp sinh viên giải quyết các bài tập xác suất và thống kê. Những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên học các môn học chuyên ngành về sau.	45/0/90	
1.4.2 Khoa học chính trị						
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	Marxist - Leninist philosophy	Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	45/0/90	
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist -	Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	30/0/60	

			Leninist political economy	tạo		
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	30/0/60	
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	30/0/60	
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	30/0/60	
1.4.3 Pháp luật						
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	General law	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Pháp chế xã hội chủ nghĩa	30/0/60	
1.4.4 Tin học						
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic informatics 1	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở nhất để có thể	30/0/60	

				làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel.		
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic informatics 2	Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về CSDL (Database), CSDL quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.	30/0/60	
1.4.1.3	SPSS1322T	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	Analyze and process data with SPSS	Học phần Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS cung cấp một cách có hệ thống các kỹ năng cần thiết khi phân tích dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp, bao gồm: Cách tổ chức và nhập liệu cho các dữ liệu sơ cấp thu thập trong các cuộc điều tra thống kê; Cách trình	30/0/60	

				bày tóm tắt dữ liệu nghiên cứu bằng bảng biểu, đồ thị, đại lượng thống kê...; các phương pháp phân tích dữ liệu trên một biến hoặc nhiều biến kết hợp với nhau.		
		Thương mại điện tử trong du lịch	E-commerce in tourism	Học phần trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp du lịch bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường điện tử và khách hàng, những mô hình kinh doanh thương mại điện tử phổ biến hiện nay trong du lịch, kết cấu hạ tầng của thương mại điện tử, những hoạt động như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.	30/0/60	
1.5 Kiến thức khác ngành						
1.5.1	<i>Học phần tự chọn (chọn 1/4)</i>					

1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Drafting business documents	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý luận chung về văn bản quản lý nhà nước; Kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt: Khái niệm, đặc điểm và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường.	30/0/60	
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	Scientific research methodology	Học phần gồm những kiến thức cơ bản về về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.	30/0/60	

1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	Logic Theory	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng và ý nghĩa của logic học; Khái niệm; Phán đoán; Các quy luật cơ bản của logic hình thức; Suy luận; Chứng minh và bác bỏ; Giả thuyết.	30/0/60	
1.5.1.4	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	General Psychology	Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.	30/0/60	
1.6 Kiến thức đại cương khác						
1.6.1 Ngoại ngữ						

1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu; Trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...	30/0/60	
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	Cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ giữa A2 trở lên theo chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...	45/0/90	
1.6.1.3		Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1	Specialized English tourism 1	Giúp cho học viên nắm vững và vận dụng những kiến thức bao gồm: Các bài đọc về quản trị và tổ chức (Organizations and Management), các	45/0/90	

				bài đọc về kinh tế, thị trường (Economy and Economics, Market), Marketing, quản trị nhân lực (Human Resource Management), quản trị kinh doanh khách sạn (hotel management).		
1.6.1.4		Tiếng anh chuyên ngành du lịch	Specialized English in tourism 2	Nắm vững và vận dụng kiến thức về quản trị du lịch khách sạn; cái khái niệm về văn hoá doanh nghiệp và nghệ thuật lãnh đạo, các bài đọc tiếng Anh chuyên ngành du lịch và khách sạn; viết các bài luận và các báo cáo về chủ đề được học; thuyết trình và tham gia các hoạt động nhóm.	45/0/90	
1.6.1.5	TOEI0622H	Thực hành TOEIC	TOIEC Practice	Giúp sinh viên tiếp cận với tiếng Anh Toeic căn bản thông qua từng chủ điểm ngữ pháp chính; Giúp sinh viên luyện tập kỹ năng làm bài cũng như phát triển vốn từ vựng, khả năng nghe đọc qua các bài mini test	0/60/120	

1.6.2. Giáo dục thể chất (3 TC)		Nội dung ban hành tại Quyết định số 1181/QĐ-ĐHLĐXH ngày 14/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội		
1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)		Nội dung ban hành tại Quyết định số 1133/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội		

2.3. Kế hoạch đào tạo:

STT	HỌC PHẦN	Số TC	SỐ ĐVHT TRONG TỪNG HỌC KỲ							
			Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
1	Kinh tế vi mô	3	3							
2	Kinh tế vĩ mô	3			3					
3	Nguyên lý thống kê	2		2						
4	Luật du lịch	2				2				
5	Marketing căn bản	2			2					
6	Quản trị học	2	2							
7	Lịch sử văn minh thế giới	2		2						
8	Địa lý du lịch	2								
9	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2								
10	Thực tập nhận thức về khách sạn	3				3				
11	Thực tập nhận thức về nhà hàng	3								
12	Thực tập nhận thức về lễ hành	3								
13	Quản trị chiến lược	3				3				
14	Lý thuyết tổ chức	3			3					
15	Quản trị nhân lực	3					3			
16	Tổng quan về du lịch	3		3						
17	Quản trị kinh doanh lễ hành	3				3				
18	Quản trị kinh doanh khách sạn	3				3				
19	Quản trị kinh doanh nhà hàng	3					3			

STT	HỌC PHẦN	Số TC	SỐ ĐVHT TRONG TỪNG HỌC KỲ							
			Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
20	Marketing du lịch	3					3			
21	Tài nguyên du lịch	3			3					
22	Các loại hình du lịch	3					3			
23	Thực tập nghiệp vụ lữ hành	5						10		
24	Thực tập nghiệp vụ tại điểm và khu du lịch	5								
25	Thực tập nghiệp vụ khách sạn	5								
26	Thực tập nghiệp vụ nhà hàng	5								
	<i>Chuyên ngành 1 - Quản trị kinh doanh lữ hành</i>	10								
27	Nghiệp vụ kinh doanh lữ hành	4							4	
28	Hướng dẫn du lịch	3							3	
29	Quan hệ giữa doanh nghiệp lữ hành và các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ du lịch	3							3	
	<i>Chuyên ngành 2 - Quản trị kinh doanh khách sạn</i>	10								
30	Nghiệp vụ kinh doanh khách sạn	4							4	
31	Quản lý dịch vụ bổ trợ trong khách sạn	3							3	
32	Nghiệp vụ lễ tân khách	3							3	

STT	HỌC PHẦN	Số TC	SỐ ĐVHT TRONG TỪNG HỌC KỲ							
			Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
	sạn									
	<i>Chuyên ngành 3- Quản trị kinh doanh nhà hàng</i>	10								
33	Nghiệp vụ kinh doanh nhà hàng	4							4	
34	Quản lý an toàn thực phẩm và vệ sinh ăn uống	3							3	
35	Quản lý chuỗi cung ứng nguyên liệu hàng hoá trong nhà hàng	3							3	
36	Khởi sự kinh doanh du lịch	2							2	
37	Nghệ thuật giao tiếp và ứng xử trong kinh doanh du lịch	2								
38	Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn việc làm	2								
39	Thực tập cuối khoá	4								4
40	Tổ chức sự kiện	3								3
41	Quản lý điểm và khu du lịch	3								3
42	Quản trị dịch vụ buồng phòng	3								3
43	Âm thực và văn hoá ẩm thực	3								3
44	Khóa luận tốt nghiệp	6								6

STT	HỌC PHẦN	Số TC	SỐ ĐVHT TRONG TỪNG HỌC KỲ							
			Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
45	Toán cao cấp 1	2	2							
46	Toán cao cấp 2	2		2						
47	Lý thuyết xác suất thống kê	3			3					
48	Triết học Mác Lênin	3	3							
49	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2				2				
50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2						
51	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	2			2					
52	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2							2	
53	Pháp luật đại cương	2	2							
54	Tin học cơ bản 1	2	2							
55	Tin học cơ bản 2	2		2						
56	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	2						2		
57	Thương mại điện tử trong du lịch	2					2			
58	Soạn thảo văn bản	2			2					
59	Phương pháp luận NCKH	2								
60	Logic học	2								
61	Tâm lý học đại cương	2								
62	Tiếng Anh cơ bản 1	2	2							
63	Tiếng Anh cơ bản 2	3		3						
64	Tiếng anh chuyên ngành	3					3			

STT	HỌC PHẦN	Số TC	SỐ ĐVHT TRONG TỪNG HỌC KỲ							
			Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
	1									
65	Tiếng anh chuyên ngành 2	3						3		
66	Thực hành TOEIC						2			
67	Giáo dục thể chất	3	3							
68	Giáo dục quốc phòng – An ninh									
	Tổng cộng (chưa tính GDTC và GDQPAN)	124	16	16	18	16	19	15	14	10

Học kỳ 1 :

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	16		
1	TTCM0722H	Triết học Mác Lênin	3		
2	LSUD0722H	Quản trị học	2		
3	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	2		
4	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	2		
5	TCC11122L	Toán cao cấp 1	2		
6	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	2		
7	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	3		
9		Giáo dục thể chất			Thực hiện theo QĐ 1181/QĐ-ĐHLĐXH ngày 14/7/2017
10		Giáo dục quốc phòng			Thực hiện theo QĐ 1133/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/5/2018
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng (chưa tính GDTC và GDQPAN)	16		

Học kỳ 2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	14		
1		Nguyên lý thống kê	2		
2		Toán cao cấp 2	2		
3		Tổng quan về du lịch	3		
4		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
5		Tin học cơ bản 2	2		
6		Tiếng Anh cơ bản 2	3		
		Học phần tự chọn	2		
1		Lịch sử văn minh thế giới	2		
2		Địa lý du lịch	2		
3		Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		
		Tổng cộng	16		

Học kỳ 3

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	16		
1		Kinh tế vĩ mô	3		
2		Marketing căn bản	2		
3		Lý thuyết tổ chức	3		
4		Lý thuyết xác suất thống kê	3		
5		Tài nguyên du lịch	3		
6		Lịch sử Đảng CS Việt Nam	2		
		Học phần tự chọn	2		
7		Soạn thảo văn bản	2		
8		Phương pháp luận NCKH	2		
9		Logic học	2		
10		Tâm lý học đại cương	2		
		Tổng cộng	18		

Học kỳ 4

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	13		
1		Luật du lịch	2		
2		Quản trị chiến lược	3		
3		Quản trị kinh doanh lễ hành	3		
4		Quản trị kinh doanh khách sạn	3		
5		Kinh tế chính trị Mác Lênin	2		
		Học phần tự chọn	3		
1		Thực tập nhận thức về khách sạn	3		
2		Thực tập nhận thức về nhà hàng	3		
3		Thực tập nhận thức về lễ hành	3		
		Tổng cộng	18		

Học kỳ 5

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	19		
1		Quản trị nhân lực	3		
2		Quản trị kinh doanh nhà hàng	3		
3		Marketing du lịch	3		
4		Các loại hình du lịch	3		
5		Thương mại điện tử trong du lịch	2		
		Tiếng anh chuyên ngành 1	3		
		Thực hành TOEIC	2		
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng	19		

Học kỳ 6

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	5		
1		Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	2		
2		Tiếng anh chuyên ngành 2	3		
		Học phần tự chọn	10		
		Thực tập nghiệp vụ lễ hành	10		
		Thực tập nghiệp vụ tại điểm và khu du lịch	10		
		Thực tập nghiệp vụ khách sạn	10		
		Thực tập nghiệp vụ nhà hàng	10		
		Tổng cộng	15		

Học kỳ 7

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	10		
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
	Chuyên ngành 1 - Quản trị kinh doanh lễ hành		10		
1		Nghiệp vụ kinh doanh lễ hành	4		
		Hướng dẫn du lịch	3		
2		Quan hệ giữa doanh nghiệp lễ hành và các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ du lịch	3		
	Chuyên ngành 2 - Quản trị kinh doanh khách sạn		10		
		Nghiệp vụ kinh doanh khách sạn	4		
		Quản lý dịch vụ bổ trợ trong khách sạn	3		
		Nghiệp vụ lễ tân khách sạn	3		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
	Chuyên ngành 3- Quản trị kinh doanh nhà hàng				
		Nghiệp vụ kinh doanh nhà hàng	4		
		Quản lý an toàn thực phẩm và vệ sinh ăn uống	3		
		Quản lý chuỗi cung ứng nguyên liệu hàng hoá trong nhà hàng	3		
		Học phần tự chọn	2		
		Khởi sự kinh doanh du lịch	2		
		Nghệ thuật giao tiếp và ứng xử trong kinh doanh du lịch	2		
		Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn việc làm	2		
		Tổng cộng	15		

Học kỳ 8

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	10		
1		Thực tập cuối khoá	4		
2		Khóa luận tốt nghiệp	6		
	Học phần Thay thế KLTN		6		
	Học phần học chung		3		
		Tổ chức sự kiện	3		
	Học phần học theo chuyên ngành		3		
		Quản lý điểm và khu du lịch	3		
		Quản trị dịch vụ buồng phòng	3		
		Âm thực và văn hoá ẩm thực	3		
		Tổng cộng	10		

10. Chương trình tham khảo

Chương trình đào tạo trong nước

- Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội.

<https://ussh.vnu.edu.vn/vi/dao-tao/qt-dv-du-lich-va-lu-hanh/khung-chuong-trinh-16328.html>

- Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Trường Đại học Kinh tế – Đại học Đà Nẵng.

(<http://due.udn.vn/vi-vn/daotao/daotaogioithieu/cid/2675>)

- Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

<https://tuyensinh.hau.edu.vn/dai-hoc/quan-tri-dich-vu-du-lich-va-lu-hanh/5e4bb139376c683184672de8>

Chương trình đào tạo quốc tế

- Bachelor of Tourism, Hospitality and Event Management, The University of Queensland, Australia. (<https://future-students.uq.edu.au/study/programs/bachelor-tourism-hospitality-and-event-management-2473?year=2022>)

- Bachelor of Tourism Management, Vancouver Island University, Canada. (<https://www.viu.ca/programs/tourism-recreation-hospitality/bachelor-tourism-management>

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình thực hiện theo quy định của trường Đại học Lao động – Xã hội

III. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

1. Đề án đăng ký mở ngành đào tạo Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, các thông tin về 3 công khai, chuẩn đầu ra và các quy định liên quan về đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Lao động - Xã hội được đăng trên website của trường có địa chỉ là: **<http://ulsa.edu.vn>**.

2. Căn cứ vào năng lực thực tế của Trường và nhu cầu của thị trường lao động; căn cứ định hướng chỉ đạo của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội; Khoa Quản trị - Kinh doanh kính đề nghị Trường đại học Lao động - Xã hội cho phép đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trình độ đại học từ năm học 2021 - 2022.

3. Nếu được phê duyệt, Khoa Quản trị kinh doanh, Trường đại học Lao động - Xã hội cam kết sẽ tổ chức đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trình độ đại học theo đúng đề án đăng ký và các quy định của pháp luật hiện hành.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi gửi:

TRƯỜNG KHOA

-

TS. Lục Mạnh Hiễn